|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/QĐ-UBND | *Lai Châu, ngày tháng năm 2024* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số......./2024/TT-BTNMT ngày ........ tháng .......... năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

**Điều 2.** Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

b) Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:* - Như Điều 3;  - Chính phủ;  - Bộ Tài nguyên và Môi trường;  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;  - TT. Tỉnh ủy;  - TT. HĐND tỉnh;  - Ủy ban MTTQVN tỉnh;  - Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Sở Tư Pháp;  - Trung tâm TH&CB;  - Lưu: VT, Th1, Kt4. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Lê Văn Lương** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày ........../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Quy định này không áp dụng đối với các trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật Đất đai năm 2024 và các dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ.

3. Những nội dung chưa được quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý đất đai, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 của Luật Đất đai năm 2024.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

**Điều 3. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư**

Đơn vị, tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu là Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Lai Châu hoặc Trung tâm Phát triển quỹ đất các huyện, thành phố hoặc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 86 Luật Đất đai năm 2024 *(sau đây gọi là Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường)*.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**MỤC 1. BỒI THƯỜNG**

**Điều 4.** **Tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở để bồi thường cho người có đất thu hồi (quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)**

Hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 98 và khoản 1 Điều 99 của Luật Đất đai nếu đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 95 Luật Đất đai và địa phương có quỹ đất thì được xem xét bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi. Tỷ lệ quy đổi và điều kiện bồi thường như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp từ 1.000 m2 đất trở lên thuộc khu vực đô thị và thu hồi từ 2.000 m2 đất trở lên thuộc khu vực nông thôn thì được xem xét bồi thường bằng 01 (một) suất đất ở.

2. Trường hợp gia đình, cá nhân bị thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở mà diện tích thu hồi từ 80 m2 đất trở lên đối với khu vực đô thị và thu hồi từ 120 m2 đất trở lên đối với khu vực nông thôn thì được xem xét bồi thường bằng 01 (một) suất đất ở.

3. Diện tích 01 (một) suất đất ở quy định tại khoản 1và 2 Điều này bằng hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Giá đất ở tính tiền sử dụng đất là giá đất được xác định theo bảng giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

**Điều 5. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất (quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)**

1. Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất theo khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất *(sau đây gọi là Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)* được tính bằng 30% giá trị hiện có của nhà, công trình. Mức bồi thường như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức bồi thường | = | Giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại | + | (Giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại) x 30% |

Mức bồi thường không quá 100% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại.

Giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại quy định tại khoản này được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

2. Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật chuyên ngành quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, được bồi thường như sau:

a) Đối với nhà, công trình xây dựng đã có trong đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất do Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh ban hành, mức bồi thường bằng 100% đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Đối với nhà, công trình chưa có trong đơn giá đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thì Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường tổ chức lập hoặc thuê đơn vị tư vấn xác định đơn giá xây dựng của nhà, công trình, gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố *(sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện)* thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

**Điều 6. Bồi thường di chuyển mồ mả (quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)**

Đối với mồ mả trong phạm vi đất thu hồi phải di dời quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ được bồi thường như sau:

1. Bồi thường về di chuyển mồ mả bao gồm các chi phí như: Đào, bốc, di chuyển, xây dựng lại và các chi phí hợp lý khác có liên quan; mức bồi thường theo đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; trường hợp di chuyển mồ mả đến nơi quy định mà phải nộp tiền sử dụng đất thì được tính bổ sung tiền sử dụng đất vào mức bồi thường.

2. Đối với mồ mả xây có kết cấu xây dựng phức tạp và không có trong đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thì Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường thực hiện lập hoặc thuê đơn vị tư vấn xác định đơn giá xây dựng theo quy định, gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

3. Đối với mồ mả khi di chuyển phát hiện có nhiều tiểu (thi hài) trong một mồ mả, thì mỗi tiểu (thi hài) được coi là một mồ mả và được tính bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Đối với nghĩa trang Liệt sĩ hoặc mồ mả của người nước ngoài thì hồ sơ dự toán gửi tới Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội cấp huyện thẩm định trước khi trình phê duyệt cùng với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với quyền địa phương và Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường thực hiện di chuyển đến nơi quy định.

5. Trường hợp mồ mả trong phạm vi đất thu hồi phải di dời mà vắng chủ hoặc không có người thân (không có chủ) thực hiện việc di dời thì Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có mồ mả phải di dời tiến hành các thủ tục di dời mồ mả theo phong tục, tập quán tại địa phương; kinh phí di dời được tính trong kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án khi thu hồi đất. Mức bồi thường, hỗ trợ chi phí được áp dụng theo khoản 1 Điều này.

6. Trường hợp mồ mả của đồng bào dân tộc thiểu số không có tập quán di chuyển thì được hỗ trợ lễ tâm linh theo phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc đó; mức hỗ trợ là 5.000.000 *(Năm triệu)* đồng/01 mồ mả.

**Điều 7. Bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đối với người đang sử dụng nhà thuộc sở hữu nhà nước (quy định tại Điều 16 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)**

1. Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ, thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và diện tích cơi nới trái phép nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đối với phần tài sản; mức bồi thường bằng 100% đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Đối với các trường hợp tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp sau thời điểm kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được phê duyệt thì không được bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 8. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi nhà nước thu hồi đất (quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)**

Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại mà người sử dụng đất đã đầu tư vào đất theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Đất đai mà không có hồ sơ, chứng từ chứng minh chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ thì được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 40% giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích đất bị thu hồi.

**Điều 9. Bồi thường thiệt hại đối với trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ (điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)**

1. Bồi thường thiệt hại về đất

a) Trường hợp đất ở có đủ điều kiện được bồi thường nằm trong hành lang bảo vệ thuộc diện Nhà nước không thu hồi đất mà không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất, thì người sử dụng đất được bồi thường thiệt hại một lần về đất bằng tiền, mức bồi thường là diện tích đất thực tế bị hạn chế sử dụng nhân (x) với 80% giá đất cùng vị trí, cùng mục đích sử dụng quy định trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Trường hợp đất trồng cây lâu năm, đất trồng rừng sản xuất nằm trong hành lang bảo vệ thuộc diện Nhà nước không thu hồi đất mà không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất, thì người sử dụng đất được bồi thường thiệt hại một lần về đất bằng tiền, mức bồi thường là diện tích đất thực tế bị hạn chế sử dụng nhân (x) với 30% giá đất cùng vị trí, cùng mục đích sử dụng quy định trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình

a) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân nằm trong hành lang bảo vệ được xây dựng trên đất có đủ điều kiện được bồi thường về đất, trước ngày thông báo thu hồi đất thực hiện dự án, thì được bồi thường thiệt hại bằng 70% đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân nằm trong hành lang bảo vệ được xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất nhưng thực tế đã xây dựng trước khi thông báo thu hồi đất thực hiện dự án, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn *(sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã)* nơi có đất thu hồi xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền, thì được hỗ trợ thiệt hại bằng 30% đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Bồi thường về cây trồng

a) Cây trồng có trước khi thông báo thu hồi đất thực hiện dự án và nằm trong hành lang bảo vệ, nếu phải chặt bỏ và cấm trồng mới theo quy định của pháp luật về Điện lực thì được bồi thường theo quy định.

b) Cây trồng có trước khi thông báo thu hồi đất thực hiện dự án và nằm trong hành lang bảo vệ thuộc trường hợp không phải chặt bỏ và cấm trồng mới theo quy định của pháp luật về Điện lực hoặc cây ngoài hành lang có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn theo quy định của pháp luật về Điện lực thì đơn vị quản lý, vận hành kiểm tra, chặt tỉa cây để đảm bảo an toàn cho đường dây dẫn điện trên không và được hỗ trợ một lần bằng 30% mức bồi thường đối với cây trồng đó.

**MỤC 2. HỖ TRỢ**

**Điều 10. Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất (quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)**

1. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ mà bị thu hồi đất dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 03 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hỗ trợ 09 tháng.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hoặc do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất thì được hỗ trợ ổn định đời sống như sau:

a) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 3 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 6 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa là 12 tháng.

b) Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa là 18 tháng.

c) Thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì không được hỗ trợ.

3. Diện tích đất nông nghiệp thu hồi để tính hỗ trợ ổn định đời sống quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là diện tích trong phạm vi xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi tại thời điểm có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và được xác định theo từng dự án phải thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, không cộng dồn diện tích đất nông nghiệp thu hồi của các dự án thu hồi đất trước đó.

4. Mức hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo cho một nhân khẩu trong 01 tháng cho toàn bộ số nhân khẩu nông nghiệp có tên trong hộ gia đình theo cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tại thời điểm quyết định thu hồi đất. Cụ thể mức hỗ trợ như sau:

Mức hỗ trợ bằng (=) (số nhân khẩu) x (30kg gạo/tháng) x (đơn giá gạo) x (thời gian hỗ trợ).

Trong đó:

a) Số nhân khẩu: Tính cho toàn bộ số nhân khẩu nông nghiệp có tên trong hộ gia đình theo cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tại thời điểm lập phương án bồi thường. Đối với nhân khẩu chưa có tên trong hộ gia đình theo cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tại thời điểm quyết định thu hồi đất thì căn cứ vào sổ theo dõi hộ khẩu của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Đơn giá gạo được áp dụng theo giá gạo tẻ trung bình tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường trên địa bàn nơi có đất bị thu hồi theo thông báo giá của cơ quan có thẩm quyền;

5. Thời gian chi trả tiền hỗ trợ quy định tại khoản 1, 2 Điều này được trả một (01) lần hoặc theo tiến độ bố trí vốn của dự án cùng với thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 11. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất (quy định tại khoản 2 Điều 104 Luật Đất đai)**

Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt; trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất còn được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt. Cụ thể như sau:

1. Bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt: 4.000.000 *(Bốn triệu)* đồng/hộ, nếu khoảng cách di chuyển dưới 10 km; 6.000.000 *(Sáu triệu)* đồng/hộ, nếu khoảng cách di chuyển từ 10 km đến dưới 30 km; 8.000.000 *(Tám triệu)* đồng/hộ nếu khoảng cách di chuyển từ 30 km đến dưới 50 km; 10.000.000 *(Mười triệu)* đồng/hộ nếu khoảng cách di chuyển từ 50 km trở lên.

2. Đối với máy móc, dây chuyền sản xuất mà có thể tháo dời và di chuyển được thì Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường căn cứ biên bản điều tra hiện trạng *(có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thu hồi đất)* để thuê đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân, đủ năng lực lập dự toán tháo dỡ di chuyển, lắp đặt lại *(bao gồm cả mức thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt)*, gửi cơ quan quản lý chuyên ngành cấp tỉnh hoặc cấp huyện thẩm tra, cho ý kiến để làm cơ sở trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

**Điều 12. Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất (quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)**

1. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ thì được hỗ trợ ổn định sản xuất. Mức hỗ trợ được xác định như sau:

Mức hỗ trợ bằng (=) (số nhân khẩu) x (30kg gạo/tháng) x (đơn giá gạo) x (thời gian hỗ trợ).

Trong đó:

a) Số nhân khẩu: Tính cho toàn bộ số nhân khẩu nông nghiệp có tên trong hộ gia đình theo cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tại thời điểm lập phương án bồi thường. Đối với nhân khẩu chưa có tên trong hộ gia đình theo cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tại thời điểm quyết định thu hồi đất thì căn cứ vào sổ theo dõi hộ khẩu của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Đơn giá gạo được áp dụng theo giá gạo tẻ trung bình tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường trên địa bàn nơi có đất bị thu hồi theo thông báo giá của cơ quan có thẩm quyền;

2. Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định sản xuất một lần bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

Thu nhập sau thuế được xác định theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp được cơ quan Thuế tại địa phương xác nhận.

3. Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ mà thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động với thời gian trợ cấp là 06 tháng. Hợp đồng lao động được tính hỗ trợ phải được ký trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền ít nhất một (01) tháng trở lên và việc hỗ trợ chỉ được áp dụng đối với Hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc Hợp đồng lao động có xác định thời hạn từ 06 tháng trở lên.

4. Thời gian chi trả tiền hỗ trợ theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này được trả một (01) lần cùng với thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 13. Hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn (quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)**

1. Hỗ trợ di dời vật nuôi:

*Nội dung này đề xuất Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đưa vào quyết định ban hành đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi (theo khoản 4 điều 103 Luật Đất đai* *hoặc đề xuất nội dung đưa vào quy định này) hoặc nghiên cứu, đề xuất nội dung đưa vào quy định này.*

2. Hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn:

*Nội dung này đề xuất sở Xây dựng đưa vào quyết định ban hành đơn giá bồi thường nhà, công trình xây dựng (theo khoản 4 điều 102 Luật Đất đai) hoặc nghiên cứu, đề xuất nội dung đưa vào quy định này.*

**Điều 14. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất (quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và khoản 3 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)**

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc một lần bằng tiền đối với diện tích đất thực tế bị thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Mức hỗ trợ như sau:

a) Đối với đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên thì hỗ trợ bằng 5,0 lần giá đất cùng loại, cùng vị trí, cùng khu vực trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

b) Đối với đất trồng lúa nước 01 vụ thì hỗ trợ bằng 4,0 lần giá đất cùng loại, cùng vị trí, cùng khu vực trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

c) Đối với đất trồng cây hàng năm khác, đất nương rẫy, đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ thì hỗ trợ bằng 3,0 lần giá đất cùng loại, cùng vị trí, cùng khu vực trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ mà nguồn thu nhập chính là từ hoạt động kinh doanh dịch vụ *(người trực tiếp sản xuất, kinh doanh dịch vụ không có ngành nghề nào khác)*, khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 10% giá trị của thửa đất ở bị thu hồi tính bằng tiền đối với phần diện tích đất ở thực tế bị thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường.

3. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

Nội dung này đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã Hội nghiên cứu, đề xuất nội dung đưa vào quy định này (theo nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã Hội tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 05/3/2024 của Thủ tướng về ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Đất đai số 31/2024/QH15).

**Điều 15. Hỗ trợ tái định cư (quy định tại khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai và khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)**

1. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện được bố trí tái định cư theo quy định tại khoản 7 Điều 111 của Luật Đất đai mà có nhu cầu tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất bằng tiền còn được nhận tiền hỗ trợ để tự lo chỗ ở, cụ thể như sau:

a) Hộ có một nhân khẩu là 2.500.000 *(Hai triệu năm trăm nghìn)* đồng/hộ/tháng;

b) Hộ có từ 02 nhân khẩu đến 4 nhân khẩu là 3.500.000 *(Ba triệu năm trăm)* đồng/hộ/tháng;

c) Hộ có từ 5 nhân khẩu trở lên là 5.000.000 *(Năm triệu)* đồng/hộ/tháng.

d) Thời gian hỗ trợ quy định tại điểm a, b và c khoản này là 06 tháng tính từ ngày người sử dụng đất bàn giao đất cho Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường.

2. Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ nhà mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp huyện nơi có đất thu hồi thì được hỗ trợ thuê nhà ở, thời gian tính hỗ trợ 06 tháng tính từ ngày người sử dụng đất bàn giao đất cho Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 16. Suất tái định cư tối thiểu và hỗ trợ tái định cư (quy định tại khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai và điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ).**

1. Suất tái định cư tối thiểu theo quy định tại khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai năm và khoản 1 Điều 24 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ được quy định bằng đất ở hoặc bằng tiền để phù hợp với việc lựa chọn của người được bố trí tái định cư.

2. Suất tái định cư tối thiểu được quy định bằng đất ở có diện tích bằng diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Trường hợp suất tái định cư tối thiểu được tính bằng tiền thì khoản tiền cho một suất tái định cư tối thiểu bằng giá đất ở có cùng vị trí, khu vực quy định trong bảng giá đất nhân (x) diện tích suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở theo quy định tại khoản 2 Điều này.

**Điều 17. Hỗ trợ khác (quy định tại khoản 2 Điều 108 Luật Đất đai)**

1. Hỗ trợ gia đình chính sách

a) Hộ gia đình có người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; anh hùng lực lượng vũ trang; anh hùng lao động; bà mẹ Việt Nam anh hùng; thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh có tỷ lệ thương tật từ 81% trở lên; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; thân nhân liệt sỹ *(được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ)* đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng; người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước tổng khởi nghĩa ngày 19 tháng 8 năm 1945, khi nhà nước thu hồi đất mà phải phá dỡ nhà ở thì ngoài mức bồi thường hỗ trợ theo quy định thì được hỗ trợ thêm 3.000.000 *(Ba triệu)* đồng/hộ.

b) Hộ gia đình có người là thương binh, bệnh binh và người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh mất sức từ 21% - 80%, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, gia đình có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng, khi nhà nước thu hồi đất mà phải phá dỡ nhà ở thì ngoài mức bồi thường hỗ trợ theo quy định thì được hỗ trợ thêm 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng/hộ.

c) Hộ gia đình có người được hưởng trợ cấp xã hội khác của Nhà nước khi nhà nước thu hồi đất mà phải phá dỡ nhà ở thì ngoài mức bồi thường hỗ trợ theo quy định thì được hỗ trợ thêm 1.000.000 *(Một triệu)* đồng/hộ.

d) Hộ gia đình có nhiều đối tượng hưởng chính sách xã hội theo quy định tại điểm a, b và c khoản này thì được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

2. Người có đất ở bị thu hồi thì ngoài việc được bồi thường theo quy định, còn được hỗ trợ kinh phí làm thủ tục rời nhà cũ lên nhà mới một lần là 1.000.000 *(Một triệu)* đồng/hộ.

3. Thưởng di chuyển đúng tiến độ

a) Người sử dụng đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường, khi Nhà nước thu hồi đất mà bàn giao toàn bộ diện tích đất đã thu hồi cho Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường *(đất sạch)* đúng thời hạn ghi trong Thông báo của Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường thì được thưởng 5.000 *(Năm nghìn)* đồng/m2 đối với toàn bộ diện tích đất bị thu hồi.

b) Người có đất, tài sản trên đất bị thu hồi phải phá dỡ, di chuyển toàn bộ nhà ở, công trình mà bàn giao mặt bằng *(đất sạch)* cho Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường thì được thưởng di chuyển như sau: 7.000.000 *(Bảy triệu)* đồng/hộ nếu bàn giao trước thời hạn từ trên 15 ngày; 5.000.000 *(Năm triệu)* đồng/hộ nếu bàn giao trước thời hạn từ 10 ngày đến 15 ngày; 3.000.000 *(Ba triệu)* đồng/hộ nếu bàn giao trước thời hạn từ 05 đến dưới 10 ngày.

c) Người sử dụng đất ở phải phá dỡ một phần nhà chính (*không phải di chuyển chỗ ở)* bàn giao mặt bằng (đất sạch) trước thời hạn cho Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường thì được thưởng bằng 1.000.000 (Một triệu) đồng/hộ.

d) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường căn cứ vào thời gian, địa điểm chi trả tiền, thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường quy định tại điểm b khoản 4 Điều 87 Luật Đất đai để lập phương án tiền thưởng di chuyển đúng tiến độ (nếu có) trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

4. Đối với phần diện tích thu hồi còn lại của thửa đất nhưng không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ thì hỗ trợ bằng 50% giá đất của loại đất nông nghiệp bị thu hồi; diện tích được hỗ trợ là diện tích đất thực tế bị thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

5. Bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp đặc biệt

a) Đối với phần diện tích đất còn lại của thửa đất sau khi bị thu hồi nhỏ hơn diện tích tối thiểu được tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nếu người bị thu hồi đất có đơn đề nghị thu hồi gửi cho Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường thì được bồi thường toàn bộ phần diện tích đất, tài sản gắn liền với đất đó (nếu) theo quy định. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ trong trường hợp này được tính vào kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án đầu tư. Phần diện tích đất này giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý theo quy định.

b) Trường hợp diện tích đất còn lại của thửa đất sau khi bị thu hồi và các thửa đất, tài sản trên đất nằm ngoài phạm vi thu hồi đất nhưng bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án thì được bồi thường công cải tạo đất và bằng 30% giá trị thu hồi của phần diện tích đất thực tế bị ảnh hưởng để tiếp tục sử dụng theo mục đích cũ. Trường hợp không thể cải tạo để tiếp tục sử dụng theo mục đích cũ mà phải chuyển sang để sử dụng vào mục đích khác (việc chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất) có giá trị thấp hơn thì được bồi thường bằng 50% giá trị bồi thường của diện tích đất thực tế bị ảnh hưởng theo loại đất trước khi chuyển mục đích. Giá trị thu hồi, bồi thường nêu trên được tính theo diện tích đất thực tế bị ảnh hưởng nhân với giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường.

c) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp nhưng đã tự ý chuyển sang đất nuôi trồng thuỷ sản hoặc các loại cây trồng khác trước thời điểm kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt mà chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích nhưng không bị cơ quan có thẩm quyền lập biên bản vi phạm về đất đai thì được bồi thường về đất theo mục đích sử dụng đất đã được Nhà nước giao, công nhận và được hỗ trợ bằng 50% công đào đắp, vật nuôi (đối với đất nuôi trồng thủy sản) và 50% đơn giá bồi thường về cây trồng liền với đất tại thời điểm bồi thường.

d) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao đất trống, đồi núi trọc để trồng rừng hoặc khoanh nuôi tái sinh rừng nhưng thực tế đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận sử dụng ổn định trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 thì không được bồi thường về đất nhưng được hỗ trợ 100% đơn giá bồi thường của loại đất thực tế đang sử dụng đối với diện tích đất thực tế bị thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường và được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định, diện tích hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

6. Hỗ trợ nhà, công trình không đủ điều kiện bồi thường

a) Nhà, công trình khác xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 95 của Luật Đất đai, nhưng tại thời điểm xây dựng mà chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch điểm dân cư nông thôn được cấp có thẩm quyền công bố hoặc xây dựng phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch điểm dân cư nông thôn được cấp có thẩm quyền công bố, không vi phạm hành lang bảo vệ công trình thì được hỗ trợ tối đa bằng 80% mức bồi thường quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

b) Nhà, công trình khác xây dựng trước ngày thông báo thu hồi đất thực hiện dự án trên đất không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại Điều 95 của Luật Đất đai mà khi xây dựng vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được công bố và cắm mốc hoặc vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cắm mốc thì không được bồi thường, không được hỗ trợ.

c) Nhà, công trình khác không được phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, nhưng xây dựng trên đất có đủ điều kiện bồi thường về đất và không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập biên bản xử lý vi phạm về xây dựng theo quy định của pháp luật thì được hỗ trợ như sau:

- Trường hợp xây dựng đúng mục đích sử dụng đất và xây dựng trước thời điểm kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt thì hỗ trợ 100% mức bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

- Trường hợp xây dựng đúng mục đích sử dụng đất và xây dựng sau thời điểm kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt thì hỗ trợ 70% mức bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

- Trường hợp xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất và xây dựng trước thời điểm kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt thì hỗ trợ 50% mức bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

- Trường hợp xây dựng không đúng mục đích và sau thời điểm kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt thì không được bồi thường, không được hỗ trợ. Trường hợp là công trình xây dựng thiết yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt tối thiểu hàng ngày của hộ gia đình, cá nhân là đối tượng chính sách, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, hộ nghèo theo chuẩn nghèo thì được hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

d) Trường hợp các hộ gia đình, cá nhân đồng bào dân tộc thiểu số có tập quán làm nhà nương (lán nương) xa nơi ở để sử dụng làm nơi sinh hoạt ăn ở trên nương, kho chứa sản phẩm, chuồng trại chăn nuôi; được xây dựng từ trước ngày kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được phê duyệt và không vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, không vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được công bố, công khai và cắm mốc, hiện tại đang sử dụng đất ổn định không tranh chấp và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận thì được hỗ trợ bằng 100% về giá trị tài sản theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm bồi thường.

Trường hợp nhà nương (lán nương) được xây dựng từ trước ngày kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được phê duyệt, nhưng xây dựng vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được công bố, công khai và cắm mốc mà những vi phạm đó chưa có văn bản ngăn chặn của cấp có thẩm quyền thì không được bồi thường nhưng được hỗ trợ; mức hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường về tài sản theo quy định của UBND tỉnh tại thời điểm bồi thường.

Trường hợp nhà nương (lán nương) được xây dựng sau ngày thông báo thu hồi đất thực hiện dự án thì không được bồi thường, không được hỗ trợ.

7. Trường hợp nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xây dựng hợp pháp không bị thu hồi đất hoặc bị thu hồi đất đất nhưng nhà ở, công trình không bị phá dỡ mà vẫn đang sử dụng bình thường nhưng do Nhà nước thực hiện công trình, dự án mà cốt của công trình, dự án của Nhà nước sau khi xây dựng xong cao hơn (đối với ta luy âm) hoặc thấp hơn (đối với ta luy dương) so với cốt ban đầu trước khi thực hiện công trình, dự án do Nhà nước đầu tư (theo hướng chính của nhà, công trình) thì được hỗ trợ như sau:

a) Cốt công trình, dự án của Nhà nước sau khi xây dựng xong mà cao hoặc thấp hơn từ 0,75 m đến 1,5 m so với cốt ban đầu của công trình, dự án đó thì được hỗ trợ, cụ thể:

- Nếu nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cách chỉ giới xây dựng công trình của Nhà nước nhỏ hơn hoặc bằng 3,0 m thì mức hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng.

- Nếu nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cách chỉ giới xây dựng công trình của Nhà nước từ trên 3,0 m đến 5,0 m thì mức hỗ trợ bằng 30% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng.

b) Cốt công trình, dự án của Nhà nước sau khi xây dựng xong mà cao hoặc thấp hơn từ trên 1,5 m đến 2,5 m so với cốt tự ban đầu của công trình đó thì được hỗ trợ, cụ thể:

- Nếu nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cách chỉ giới xây dựng công trình, dự án của Nhà nước nhỏ hơn hoặc bằng 3,0 m thì mức hỗ trợ bằng 80% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng.

- Nếu nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cách chỉ giới xây dựng công trình, dự án của Nhà nước từ trên 3,0 m đến 5,0 m thì mức hỗ trợ bằng 60% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng.

c) Trường hợp cốt công trình, dự án của Nhà nước sau khi xây dựng xong mà cao hoặc thấp hơn trên 2,5 m so với cốt tự ban đầu của công trình, dự án đó và cách chỉ giới xây dựng công trình, dự án của Nhà nước nhỏ hơn hoặc bằng 5,0 m thì được hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng.

d) Đối với nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản trên đất bị thu hồi có thể tháo dời và di chuyển đến chỗ ở mới thì chỉ được hỗ trợ các chi phí tháo dời, vận chuyển, lắp đặt và vật liệu bị hao hụt, hư hỏng do tháo dời, vận chuyển, lắp đặt theo quy mô tương đương với công trình cũ thì hỗ trợ bằng 30% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng.

đ) Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này nếu người sử dụng đất có đơn đề nghị thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thu hồi đất. Trong trường hợp thu hồi đất thì thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

8. Hỗ trợ làm đường nước 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng/hộ; nơi không có công trình nước tập trung thì hỗ trợ đào giếng 3.000.000 *(Ba triệu)* đồng/hộ; hỗ trợ lắp điện chiếu sáng 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng/hộ.

9. Hộ gia đình bị thu hồi đất có khẩu thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định của chính phủ thì được hỗ trợ 3.000.000 *(Ba triệu)* đồng/hộ.

10. Hỗ trợ người đang thuê nhà ở không thuộc sở hữu Nhà nước: Hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không phải là nhà ở thuộc sở hữu nhà nước khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản như sau:

a) Trường hợp phải phá dỡ nhà, phải di chuyển chỗ ở thì người đang thuê nhà được hỗ trợ chi phí di chuyển bằng 30% mức bồi thường quy định tại khoản 1 Điều 12 của Quy định này.

b) Trường hợp hộ sản xuất, kinh doanh có đăng ký kinh doanh và làm đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, đang thuê nhà ở phải phá dỡ nhà, phải di chuyển chỗ ở mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh, thì được hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất một lần bằng 30% một năm thu nhập sau thuế theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó. Thu nhập sau thuế được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan thuế chấp thuận.

11. Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của UBND cấp xã

a) Đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích do UBND cấp xã quản lý thì không được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, nhưng được hỗ trợ bằng 100% theo giá đất cụ thể do UBND cấp có thẩm quyền ban hành tại thời điểm thu hồi đất; tiền hỗ trợ do UBND cấp xã trực tiếp ký nhận, nộp vào Ngân sách Nhà nước và được đưa vào dự toán ngân sách hàng năm của cấp xã; tiền hỗ trợ chỉ được sử dụng để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, sử dụng vào mục đích công ích của cấp xã nơi bị thu hồi đất theo đúng quy định.

b) Hộ gia đình, cá nhân thuê đất, nhận đấu thầu sử dụng đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của cấp xã khi Nhà nước thu hồi đất thì không được bồi thường về đất, chỉ được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại (nếu có), mức bồi thường theo quy định tại Điều 8 của Quy định này.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 18. Trách nhiệm của các cấp, các ngành**

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao các cấp, các ngành tổ chức thực hiện Quy định này theo đúng quy định.

2. Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường và chính quyền địa phương để triển khai thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan lập hồ sơ thu hồi đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và giao đất tái định cư đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hàng năm Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường báo cáo kết quả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm tạo lập nhà, công trình xây dựng, tình hình vi phạm pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan (nếu có); xác định tỷ lệ đất nông nghiệp đang sử dụng bị thu hồi; xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định. Phối hợp với Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường để tuyên truyền về mục đích thu hồi đất, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án, chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn đảm bảo theo quy định này và các quy định của pháp luật.

6. Cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để thẩm định phương án, trình UBND cùng cấp phê duyệt theo quy định.

7. Cơ quan thuế có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định nghĩa vụ tài chính mà người sử dụng đất phải nộp và hướng dẫn việc nộp khoản tiền đã khấu trừ tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vào ngân sách nhà nước.

**Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với những phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt mà đang thực hiện chi trả tiền bồi thường thì thực hiện theo quyết định đã phê duyệt.

2. Đối với những phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa thực hiện chi trả tiền bồi thường hoặc những phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đang tổ chức thẩm định thì thực hiện theo Quy định này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này nếu có phát sinh, vướng mắc kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.